TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YD** **TỈNH BG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **41**/2023/HS-ST
Ngày 15-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà NTTH
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh và ông Lương Ngọc Biên
Thư ký phiên tòa: Bà PTT - Thư ký Toà án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông TVM - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2023/TLST-HS ngày 09/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 01/6/2023, đối với bị cáo **NVT**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn DD, xã TS, huyện HH, tỉnh LS; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVT, sinh năm 196X và bà NTX, sinh năm 196X; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo đầu thú, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. *(Có mặt)*

- *Bị hại*: Anh GMN, sinh năm 200X; HKTT: Thôn ĐK, xã ST, huyện YM, tỉnh HG; nơi tạm trú: Thôn T, xã NH, huyện YD, tỉnh BG *(vắng mặt).*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh LVT, sinh năm 198X; địa chỉ: Thôn DL, xã TM, thành phố BG, tỉnh BG *(vắng mặt)*.

- *Người làm chứng:* Chị TTH, sinh năm 198X; địa chỉ: Thôn N, xã NH, huyện YD, tỉnh BG *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 7/2022, NVT đến thuê phòng số 12 ở tầng 2 khu nhà trọ của gia đình chị TTH để tiện đi làm công nhân tại Công ty HHở khu công nghiệp DT, huyện VY, tỉnh BG. Khoảng 20 giờ ngày 26/7/2022, T đi làm về đến dãy phòng trọ thì phát hiện thấy có 01 chiếc xe mô tô để ở trước cửa phòng trọ số 04, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Đó là xe mô tô biển kiểm soát 2XB1-731.64 của anh GMN đang thuê phòng trọ ở cùng khu nhà trọ với T. Quan sát thấy không có người trông coi, T đi đến rút chìa khóa xe môtô cất giấu

vào túi quần rồi đi lên phòng, mục đích đợi khi nào có cơ hội thuận lợi T sẽ trộm cắp xe đem đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu cá nhân. Sau đó T chụp ảnh chiếc xe mô tô, liên lạc và gửi ảnh xe môtô cho anh LVT là chủ hiệu cầm đồ, T nói dối là xe của T mua lại, không có giấy tờ muốn cắm thì anh Tù đồng ý. Khoảng 06 giờ ngày 27/7/2022, T ngủ dậy quan sát thấy mọi người ở khu trọ vẫn đang ngủ, T đi xuống tầng 1 thấy xe mô tô 23B1- 731.64 của anh GMN vẫn dựng ở trước cửa phòng số 4, không có người trông coi. T lấy chìa khóa xe ra cắm vào ổ khóa điện trộm cắp xe, dắt bộ đi ra ngoài cổng một đoạn rồi nổ máy đi đến Công ty HHlàm việc và gửi xe tại nhà để xe của công ty. Chiều ngày 27/7/2022, sau khi tan ca làm ở công ty, T điều khiển đem xe môtô trộm cắp được về quê ở huyện HH, tỉnh LS. Do không có phương tiện đi lại hàng ngày nên T dùng làm phương tiện đi lại và không liên lạc với anh T cầm cố xe nữa và nghỉ không đi làm công nhân nữa.

Đối với anh GMN, sau khi phát hiện bị mất trộm chiếc xe mô tô đã làm đơn trình báo.

Ngày 20/03/2023, biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, đang bị điều tra, NVT đã đến Công an huyện YD, tỉnh BG đầu thú và giao nộp chiếc xe môtô biển kiểm soát 23B1-731.64 đã trộm cắp; 01 điện thoại di động Realme màu xanh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 85 ngày 24/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YD xác định: Trị giá chiếc xe môtô NVT trộm cắp của GMN là 2X.425.000 đồng.

Ngày 30/3/2023, Cơ quan điều tra đã trả anh GMN chiếc xe môtô biển kiểm soát 2XB1-731.64, anh N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì.

Vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại di động Realmi màu xanh được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD để giải quyết theo quy định.

Tại cơ quan điều tra, NVT đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 06/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố NVT về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo T khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng,Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điểm điều khoản trên là đúng, không oan. Bị cáo khai nhận do hám lợi nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh GMN để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai, bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo NVT từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho UBND xã TS, huyện HH, tỉnh LS giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét;

- Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Realmi màu xanh;

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, hiện tại bố mẹ bị cáo đều đã già yếu, em gái bị cáo lập gia đình ở xa, hiện tại gia đình chỉ còn bị cáo là người chăm sóc và nuôi dưỡng bố mẹ già. Vì vậy, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo vừa có thể cải tạo vừa chăm sóc bố mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ và sự vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, đầy đủ toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ ngày 27/7/2022, tại khu nhà trọ của gia đình chị TTH, sinh năm 198X, ở thôn N, xã NH, huyện YD, tỉnh BG, bị cáo NVT có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 2XB1-731.64 trị giá 2X.425.000đ của anh GMN, sinh năm 200X, trú tại thôn ĐK, xã ST, huyện YM, tỉnh HG. Sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú và tự nguyện giao nộp lại tài sản trộm cắp, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại.

Quá trình điều tra, truy tố đã chứng minh được tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD, tỉnh BG truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết hành vi trộm cắp chiếc xe là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện cho thấy bị cáo là người liều lĩnh, manh động, xem thường pháp luật đồng thời hành vi của bị cáo cũng gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4.2] Xét về nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[4.3] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4.4] Xét tình tiết giảm nhẹ thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi phạm tội bị cáo đã có ý thức ra đầu thú về hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp lại tài sản đã trộm cắp để trả lại cho bị hại. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự với một

mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, tại thời điểm bị cáo phạm tội gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, hiện bị cáo hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ đều là người cao tuổi hay ốm đau. Đối chiếu hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như hướng dẫn của đồng thời cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân biết tuân thủ pháp luật. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về việc áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, cũng đủ để răn đe giáo giục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tài sản bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho bị hại, sau khi phạm tội bị cáo nghỉ việc nên không có công việc, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, gia đình có điều kiện khó khăn, bố mẹ đều là người cao tuổi. Xét thấy, bị cáo không có điều kiện để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản. Đến nay, không ai có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7] Về vật chứng của vụ án gồm: Đối với điện thoại thoại di động Realmi màu xanh là tài sản của cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 2XB1-731.64, quá trình điều tra đã xác định được là của anh GMN. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh Ná là phù hợp.

[8] Đối với anh LVT: Khi đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1-731.64 do NVT đề nghị, do T nói là xe của T, anh T không biết chiếc xe do T trộm cắp, sau đó T cũng không mang xe đến cầm cố nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với anh T.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và

điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[10] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo NVT **01** *(một)* năm **06** *(sáu)* tháng tù cho hưởng án treo về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời gian thử thách **03** *(ba)* năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/6/2023).

Giao bị cáo NVT cho Uỷ ban nhân dân xã TS, huyện HH, tỉnh LS giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. *Vật chứng:*

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo NVT 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realmi màu xanh nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo NVT phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo, kháng nghị:*

Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

NTTH